

## Phụ lục

### KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA (TCVN) NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHHCN ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Lĩnh vực/ đối tượng TCVN	Tên TCVN	Tên, số hiệu tiêu chuẩn, tài liệu kỹ thuật làm căn cứ xây dựng	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng dự thảo TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Ghi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b>I. <u>BỘ CÔNG AN</u></b>									
<b>Phòng cháy chữa cháy</b>									
1.		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống báo cháy - Phần 30: Thiết kế, lắp đặt đầu báo cháy vi deo	Xây dựng mới Tham khảo tiêu chuẩn ISO và các tiêu chuẩn về PCCC hiện hành trong nước	C07, Bộ Công an	2025	2026			
2.		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy bằng bọt - Phần 1: Thiết bị định lượng chất tạo bọt	Xây dựng mới Tham khảo tiêu chuẩn ISO và các tiêu chuẩn về PCCC hiện hành trong nước	C07, Bộ Công an	2025	2026			
3.		Phòng cháy chữa cháy - Thiết bị chữa cháy - Lãng giá chữa cháy - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Xây dựng mới Tham khảo tiêu chuẩn ISO và các tiêu chuẩn về PCCC hiện hành trong nước	C07, Bộ Công an	2025	2026			
4.		Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần	Sửa đổi, bổ sung TCVN 7161-5:2021	C07, Bộ Công an	2025	2026			

		5: Khí chữa cháy FK-5-1-12							
5.		Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy - Áp dụng riêng cho thang máy chở người và thang máy chở người và hàng - Phần 72: Thang máy chữa cháy	Sửa đổi, bổ sung TCVN 6396-72:2010	C07, Bộ Công an	2025	2026			
6.		Thiết bị chữa cháy - Hệ thống chữa cháy cacbon dioxit - Thiết kế và lắp đặt	Sửa đổi, bổ sung TCVN 6101:1996 (ISO 6783:1990)	C07, Bộ Công an	2025	2026			
7.		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống Sprinkler tự động - Phần 1: Yêu cầu và phương pháp thử đối với Sprinkler (Soát xét TCVN 6305-1:2007 (ISO 6182-1:202021))	Sửa đổi, bổ sung TCVN 6305-1:2007 (ISO 61821:2021)	C07, Bộ Công an	2025	2026			
<b>II. BỘ NỘI VỤ</b>									
8.		Bìa hồ sơ	Sửa đổi, bổ sung TCVN 9251:2012	Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước	2025	2026			
9.		Giấy bồi nền tài liệu giấy	Sửa đổi, bổ sung TCVN 10999:2015	Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước	2025	2026			
<b>III. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>									
<b>Giống cây trồng nông nghiệp</b>									
10.		Giống cây trồng nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (DUS - Phần 25: Giống khoai tây	Xây dựng mới TG/23/7 do UPOV ban hành năm 2022, QCVN 01-69:2011 về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống khoai tây	Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng - Cục Trồng trọt	2025	2026			
11.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (DUS) của giống lúa	Soát xét TCVN 13382-1:2021 Sửa đổi, bổ sung TCVN 13382-1:2021 và UPOV TG/16/9 Tài liệu hướng dẫn khảo nghiệm tính	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			

			khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống lúa (Hiệp hội bảo hộ giống cây trồng quốc tế)						
12.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (DUS) của giống đậu xanh	Xây dựng mới - Khảo sát thực tế, Phiếu mô tả đánh giá ban đầu nguồn gen đậu xanh, - TG/321/1 Hướng dẫn khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống đậu đỏ Trung Quốc (Hiệp hội bảo hộ giống cây trồng quốc tế)	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			
13.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (DUS) của giống su hào	Xây dựng mới Tài liệu QCVN 01-94:2012/BNNPTNT và UPOV TG/65/4 Rev.2 Hướng dẫn khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống su hào (Hiệp hội bảo hộ giống cây trồng quốc tế)	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			
14.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng (VCU) của giống khoai tây	Xây dựng mới QCVN 01-59:2011 về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống khoai tây	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			
15.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng (VCU) của giống đậu xanh	Xây dựng mới QCVN 01-62:2011 về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu xanh	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			
16.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng (VCU)	Xây dựng mới QCVN 01-88:2012 về	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm	2025	2026			

		của giống su hào	khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống su hào	giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia					
17.		Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm	Soát xét TCVN 8548:2011 Quy tắc quốc tế về kiểm tra/kiểm nghiệm hạt giống ( <i>International Rules for Seed Testing 2024</i> ); TCVN 8548:2011; Kết quả đánh giá, thử nghiệm	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			
18.		Giống cây nông nghiệp - Sản xuất giống - Phần 8: Hạt giống lạc	Xây dựng mới + QCVN 01-48:2011 về chất lượng hạt giống lạc + QCVN 01-67:2011 về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống lạc	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			
19.		Giống cây nông nghiệp – Sản xuất giống – Phần 9: Hạt giống đậu tương	Xây dựng mới + QCVN 01-49:2011 về chất lượng hạt giống đậu tương + QCVN 01-68:2011 về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống đậu tương + TCVN 12181:2018 Quy trình sản xuất hạt giống cây trồng tự thụ phấn + Tổng kết thực tiễn	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			
20.		Giống cây nông nghiệp - Sản xuất giống - Phần 10: Củ giống khoai tây	Xây dựng mới + QCVN 01-52:2011 về chất lượng củ giống khoai tây + QCVN 01-69:2011 về khảo nghiệm tính khác	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			

			biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống khoai tây + Tổng kết thực tiễn						
<b>Bảo vệ thực vật</b>									
21.		Hướng dẫn về công nhận hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật được miễn thiết lập giới hạn tồn dư tối đa hoặc không phát sinh tồn dư	Xây dựng mới Tham khảo tiêu chuẩn CODEX CXG 97-2022 . Hướng dẫn về công nhận hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật được miễn thiết lập giới hạn tồn dư tối đa hoặc không phát sinh tồn dư	Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam	2025	2026			
22.		Tiêu chí hiệu năng đối với các phương pháp phân tích xác định tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản có nguồn gốc thực vật	Xây dựng mới Tham khảo tiêu chuẩn CODEX CXG 90-2017. Tiêu chí hiệu năng đối với các phương pháp phân tích xác định tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản có nguồn gốc thực vật	Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam	2025	2026			
23.		Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật. Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định nấm <i>Ciborinia allii</i> (Sawada) L.M. Kohn.	Xây dựng mới Tài liệu bảo vệ cây trồng (2024) - Frank M. Dugan, 2006, The identification of fungi. The American Phytopathological Society. Frank M. Dugan, 2006. Giám định nấm bệnh. Hiệp hội bệnh lý thực vật Hoa Kỳ - TCVN 12195-1:2019.	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật	2025	2026			

			Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật. Phần 1: Yêu cầu chung						
24.		Quy trình giám định tuyến trùng gây bệnh thực vật. Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định tuyến trùng hoại tử rễ chuỗi <i>Pratylenchus goodeyi</i> Sher & Allen.	Xây dựng mới Pablo Castillo, Nicola Vovlas, 2008. giám định, đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh và biện pháp quản lý giống <i>Pratylenchus</i> , (ngành giun tròn, họ <i>Pratylenchidae</i> ) Mohammad Rafiq Siddiqi, 1986. Tuyến trùng ký sinh thực vật và côn trùng bộ <i>Tylenchida</i> , xuất bản lần 2. - TCVN 12194-1:2029. Quy trình giám định tuyến trùng gây bệnh thực vật. Phần 1: Yêu cầu chung	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật	2025	2026			
25.		Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định ruồi đục quả Ca- ri- bê <i>Anastrepha suspensa</i> (Loew)	Xây dựng mới IPPC, 2015. Tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật. Tiêu chuẩn số 27, Quy trình giám định dịch hại thuộc diện điều chỉnh. DP 9: Giống <i>Anastrepha Schiner</i> - TCVN 12709-1:2019. Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật. Phần 1: Yêu cầu chung	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật	2025	2026			
26.		Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định mọt da	Xây dựng mới - Beal, R. S. Jr, 1960. Mô tả đặc điểm hình thái, đặc	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật	2025	2026			

		glabrum <i>Trogoderma glabrum</i> (Herbst)	điểm sinh học và ghi chú về việc giám định sâu non <i>Trogoderma</i> (Coleoptera: Dermestidae). Bản tin kỹ thuật số 1228. - TCVN 12709-1:2019. Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật. Phần 1: Yêu cầu chung						
27.		Quy trình giám định côn trùng và nhện hại thực vật. Phần 2-...:Yêu cầu cụ thể đối với rệp sáp giả <i>Pseudococcus jackbeardsleyi</i> và rệp sáp bột đuôi dài <i>Pseudococcus longispinus</i> .	Xây dựng mới Zheng và cộng sự (2018). Giám định mã vạch DNA đối với các loài rệp sáp họ Pseudococcidae (Hemiptera: Coccoidea) sử dụng đoạn gen trong ty thể COI) Rezeki và cộng sự (2021). Khóa phân loại cho trưởng thành và ấu trùng của các loài rệp sáp (Hemiptera: Pseudococcidae) gây hại trên thanh long tại Indonesia)	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật	2025	2026			
28.		Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây hại thực vật. Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định vi khuẩn gây bệnh thối quả <i>Acidovorax citrulli</i>	Xây dựng mới Tiêu chuẩn Châu Âu OEPP/EPPO PM 7/127 (1):2016 “ <i>Acidovorax citrulli</i> ” Slovarova và cộng sự. (2019). Quy trình đề xuất để phát hiện và giám định vi khuẩn <i>Acidovorax citrulli</i> trong hạt giống)	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật	2025	2026			

29.		Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây hại thực vật. Phần 2- .... Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định Columnea latent viroid (CLVd)	Xây dựng mới Tiêu chuẩn Châu Âu OEPP/EPPO PM 7/138(1):2021 “Pospiviroids (genus Pospiviroid)”. Sukhontip Sombat, Kanungnit Reanwarakornl and Kai-Shu Ling. (2018). Developing a multiplex real-time RT-PCR for simultaneous detection of Pepper chat fruit viroid and Columnea latent viroid. Australasian Plant Pathology 47	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật	2025	2026			
<b>Lâm nghiệp</b>									
30.		Tín chỉ các-bon rừng - Yêu cầu chung	Xây dựng mới 1. Tiêu chuẩn các-bon được xác minh ( <i>Verified Carbon Standard</i> ) do Tổ chức VERRA công bố. 2. Tiêu chuẩn toàn vẹn môi trường đối với hoạt động giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng, thúc đẩy quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon rừng ( <i>REDD+ Environmental Excellence Standard – TREES</i> ) do Tổ chức ART công bố. 3. Tiêu chuẩn vàng ( <i>Gold standard</i> ) do WWF và	Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững	2025	2026			

			<p>một số tổ chức phi chính phủ công bố.</p> <p>4. Tiêu chuẩn Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng sinh học (<i>The Climate, Community and Biodiversity Standards – CCB standard</i>) do Liên minh Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng sinh học (<i>Climate, Community and Biodiversity Alliance - CCBA</i>) công bố.</p> <p>5. Tham khảo các tài liệu đo đạc, báo cáo, tính toán các-bon của IPCC, REDD+</p>						
31.		Giống cây lâm nghiệp - Cây giống các loài lâm sản ngoài gỗ - Phần xx: Sâm lai châu	<p>Xây dựng mới</p> <p>1. Tiêu chuẩn cơ sở Giống cây lâm nghiệp – Cây giống Sâm lai châu. Viện KHLNVN.</p> <p>2. Phạm Quang Tuyến (2019), Báo cáo đề tài nghiên cứu Khoa học cấp Nhà nước: “Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống và trồng cây Sâm lai châu (<i>Panax vietnamensis</i> var. <i>fuscidicus</i> K.Komatsu, S.Zhu &amp; S.Q.Cai).”</p> <p>3. Nguyễn Quang Hưng (2021), Báo cáo dự án nghiên cứu Khoa học Công nghệ tỉnh Lai Châu: “<i>Xây dựng mô hình trồng,</i></p>	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2025	2026			

			<i>nhân giống Sâm Lai Châu nhằm bảo tồn và phát triển sản phẩm đặc hữu tại các huyện vùng cao của tỉnh Lai Châu”.</i>						
32.		Keo dán gỗ - Phương pháp thử để đánh giá và lựa chọn keo dán cho các sản phẩm gỗ nội thất - (Phần 1: Khả năng chống tách lớp trong môi trường không khắc nghiệt; Phần 2: Khả năng chống tách lớp trong môi trường khắc nghiệt)	Xây dựng mới (Chấp nhận, có bổ sung tiêu chuẩn quốc tế) Tiêu chuẩn quốc tế (1. ISO 26842-1:2013. Adhesives - Test methods for the evaluation and selection of adhesives for indoor wood products - Part 1: Resistance to 2) ISO 26842-2:2013.2. Adhesives - Test methods for the evaluation and selection of adhesives for indoor wood products - Part 2: Resistance to delamination in severe environments; in non-severe environments);	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2025	2026			
33.		Keo dán gỗ - (Phần 1: Phương pháp xác định hàm lượng khô; Phần 2: Phương pháp xác định độ nhớt; Phần 3: Phương pháp xác định độ pH; Phần 4: Phương pháp xác định thời gian sống)	Xây dựng mới (Chấp nhận, có bổ sung tiêu chuẩn quốc tế) Tiêu chuẩn quốc tế (1. ASTM D1582 - 98(2017), Standard Test Method for Nonvolatile Content of Liquid Phenol, Resorcinol, and Melamine Adhesives; 2. ASTM D1489-09(2021) Standard Test Method for Nonvolatile Content of	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2025	2026			

			<i>Aqueous Adhesives; 3. ASTM D1084-16(2021). Standard Test Methods for Viscosity of Adhesives; 4. ASTM E70-19. Standard Test Method for pH of Aqueous Solutions With the Glass Electrode; 5. ASTM D1337-10(2021). Standard Practice for Storage Life of Adhesives by Viscosity and Bond Strength).</i>						
34.		Composite tre -gỗ dùng làm sàn container	Xây dựng mới (Chấp nhận, có bổ sung tiêu chuẩn quốc tế) Tiêu chuẩn quốc tế (1. <i>ISO/DIS 5942 Bamboo-wood composite for container flooring</i> ; 2. <i>GB/T 19536 - 2015 Plywood for Container Flooring</i> ; 3. <i>IICL TB 001 – January 02,2019 “Perfromance Standard for New and Unuse</i> ); 2. Sách, tài liệu liên quan, khảo sát.	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2025	2026			
35.		Đường lâm nghiệp - Yêu cầu thiết kế	Soát xét TCVN 7025:2002. Xây dựng mới, bổ sung nội dung và soát xét, thay thế TCVN 7025:2002.	Trường Đại học Lâm nghiệp	2025	2026			
36.		Nông nghiệp hữu cơ - Phần: Quế hữu cơ	Xây dựng mới 1. Giáo trình Moddun trồng Quế, 2018;	Trường Đại học Lâm nghiệp	2025	2026			

			<p>2. Trồng trọt hữu cơ. Hiệp hội hữu cơ Việt Nam, 2018;</p> <p>3. Cẩm nang hướng dẫn kỹ thuật sản xuất quế bền vững;</p> <p>4. Cây Quế và kỹ thuật trồng. NXB Nông nghiệp;</p> <p>5. Hướng dẫn kỹ thuật trồng Quế, 2019;</p> <p>6. Đề tài cấp Nhà nước về phát triển nguồn gen Quế Thanh Hóa, 2016;</p> <p>7. Đề tài cấp Bộ về nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật trồng Quế, 2022.</p> <p>8. Đề tài cấp Bộ về phòng trừ sâu chính hại Quế, 2023</p>						
37.		Phương pháp điều tra trữ lượng rừng ngập mặn	<p>Xây dựng mới Giáo trình điều tra rừng. NXB Nông nghiệp và các công trình nghiên cứu có liên quan.</p> <p>Cẩm nang ngành Lâm nghiệp. Chương: Công tác điều tra rừng ở Việt Nam. Tài liệu tập huấn kỹ thuật điều tra rừng (Quyết định số 689/QĐ-TCLN-KL ngày 23/12/2013 của Tổng cục Lâm nghiệp) ; UNDP (2023), Phương pháp đo đếm, tính toán trữ lượng các-bon rừng ngập mặn tại Việt Nam.</p>	Trường Đại học Lâm nghiệp	2025	2026			
38.		Mẫu tiêu bản gỗ - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Viện Điều tra	2025	2026			

			<p>1. Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam (2015), Bộ quy trình thu thập mẫu sinh vật, địa chất và thổ nhưỡng;</p> <p>2. Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam (2020), Bộ quy trình thu thập mẫu vật trong hệ thống bảo tàng thiên nhiên;</p> <p>3. Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam (2015), Hướng dẫn tạm thời kỹ thuật thu thập và xử lý bài quản tiêu bản;</p>	Quy hoạch rừng					
39.		Chế phẩm bảo quản gỗ - Hướng dẫn chung về lấy mẫu và chuẩn bị cho phân tích chế phẩm bảo quản gỗ và gỗ đã được xử lý bảo quản	<p>Xây dựng mới</p> <p>1. <i>BS EN 212 - Hướng dẫn chung về lấy mẫu và chuẩn bị mẫu cho phân tích chất bảo quản gỗ và gỗ đã được xử lý (BS EN 212 Wood preservatives - General guidance on sampling and preparation for analysis of wood preservatives and treated timber).</i></p> <p>2. Tuyển tập các công trình nghiên cứu Bảo quản Lâm sản; NXB Thống kê 2006.</p> <p>3. Bảo quản Lâm sản; nhà xuất bản nông nghiệp; Nguyễn Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Thanh, Lê Văn Nông (2006).</p>	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2025	2026			
40.		Composite gỗ nhựa - Phân loại và	Xây dựng mới	Trường Đại học	2025	2026			

		phân cấp chất lượng	<p>1. LY/T 3274-2021 Phân loại và phân cấp composite gỗ-nhựa (<i>Classification and grade of wood-plastic composites</i>).</p> <p>2. Ván composite gỗ nhựa dùng ngoài trời (<i>LY/T Wood-plastic composites for outdoor use</i>);</p> <p>3. Ván composite gỗ nhựa dùng cho kiến trúc (<i>GB/T Wood-plastic composites for concrete-form</i>);</p>	Lâm nghiệp						
<b>Kiểm lâm</b>										
41.		Sai số trong theo dõi diễn biến rừng	<p>Xây dựng mới</p> <p>1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2012. Hướng dẫn điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2012-2015.</p> <p>2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2014. Quy định nghiệm thu thành quả dự án “Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013 - 2016”.</p> <p>3. Tổng cục Lâm nghiệp, 2013. Tài liệu tập huấn hướng dẫn kỹ thuật điều tra, kiểm kê rừng.</p>	Viện Điều tra Quy hoạch rừng	2025	2026				
42.		Phân loại cháy rừng	<p>Xây dựng mới</p> <p>1. Bế Minh Châu (2012). Quản lý rừng. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.</p>	Trường Đại học Lâm nghiệp	2025	2026				

			2. Phạm Ngọc Hưng (2004). Quản lý cháy rừng ở Việt Nam. NXB Nghệ An.						
43.		An toàn phòng, chữa cháy rừng	Xây dựng mới 1. Bế Minh Châu (2012). Quản lý rừng. NXB Nông nghiệp, Hà Nội. 2. Phạm Ngọc Hưng (2004). Quản lý cháy rừng ở Việt Nam. NXB Nghệ An.	Trường Đại học Lâm nghiệp	2025	2026			
44.		Sai số về diện tích, trữ lượng trong điều tra rừng	Xây dựng mới 1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2012. Hướng dẫn điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2012-2015. 2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2014. Quy định nghiệm thu thành quả dự án “Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013 - 2016”. 3. Tổng cục Lâm nghiệp, 2013. Tài liệu tập huấn hướng dẫn kỹ thuật điều tra, kiểm kê rừng. 4. Tổng cục Lâm nghiệp, 2014. Chỉ số sinh thái và hướng dẫn kỹ thuật theo dõi diễn biến sinh thái rừng tại các ô định vị sinh thái rừng quốc gia. 5. Viện Điều tra, Quy hoạch rừng, 2023. Quy	Viện Điều tra QH rừng	2025	2026			

			trình đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) điều tra thu thập số liệu hiện trường thuộc Dự án điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng quốc gia giai đoạn 2022-2025.						
<b>Máy và thiết bị nông nghiệp</b>									
45.		Máy nông nghiệp - An toàn - Phần 17: Máy thu hoạch củ ( <i>Agricultural machinery - Safety - Part 17: Root crop harvesters</i> ).	Xây dựng mới ISO 4254-17:2022 Agricultural machinery - Safety - Part 17: Root crop harvesters.	Viện Cơ điện Nông nghiệp và CNSTH	2025	2026			
46.		Máy nông nghiệp - An toàn - Phần 11: Máy đóng kiện	Xây dựng mới ISO 4254-11:2010 Agricultural machinery - Safety - Part 11: Pick-up balers	Viện Cơ điện Nông nghiệp và CNSTH	2025	2026			
<b>IV. <u>BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</u></b>									
<b>Địa chất khoáng sản</b>									
47.		Công trình quan trắc KTTV - Phần 8: Bảo quản, bảo dưỡng công trình và phương tiện quan trắc hải văn	Xây dựng mới	Trung tâm Hải văn, Tổng cục Khí tượng Thủy văn	2025	2026			
48.		Công trình quan trắc KTTV - Phần 9: Vị trí, công trình quan trắc đối với trạm phao biên	Xây dựng mới	Trung tâm Hải văn, Tổng cục Khí tượng Thủy văn	2025	2026			
49.		Công trình quan trắc KTTV - Phần 10: Vị trí, công trình quan trắc đối với trạm ra đa quan trắc	Xây dựng mới	Trung tâm Hải văn, Tổng cục Khí	2025	2026			

		sóng biển		tượng Thủy văn					
<b>Điều tra đánh giá và thăm dò khoáng sản</b>									
50.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Đo trọng lực biển theo tàu - Phần 1: Yêu cầu chung	Xây dựng mới	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
51.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Đo trọng lực biển theo tàu - Phần 2: Phương pháp đo	Xây dựng mới	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
52.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Đo trọng lực biển theo tàu – Phần 3: Các phép hiệu chỉnh khi đo trọng lực biển	Xây dựng mới	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
53.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Đo trọng lực biển theo tàu – Phần 4: Phương pháp thành lập mạng lưới điểm tựa, mạng lưới điểm đo	Xây dựng mới	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
54.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo trọng lực biển theo tàu – Phần 5: Phương pháp tính và hiệu chỉnh dị thường trọng lực Fai	Xây dựng mới	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
55.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Đo trọng lực biển theo tàu - Phần 6: Phương pháp tính và hiệu chỉnh dị thường trọng lực Bughe	Xây dựng mới	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
56.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Đo trọng lực biển theo tàu – Phần 7: Phương pháp xử lý, tính toán số liệu trọng lực biển	Xây dựng mới	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
57.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Đo trọng lực biển theo tàu - Phần 8: Phương pháp thành lập bản đồ trường trọng lực trên biển	Xây dựng mới	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
58.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Đo trọng lực biển theo tàu –	Xây dựng mới	Văn phòng Cục, Cục Địa chất	2025	2026			

		Phần 9: Phương pháp xử lý, phân tích địa chất theo tài liệu trọng lực		Việt Nam					
59.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Đo trọng lực biển theo tàu – Phần 10: Lập bản đồ địa chất kết quả trọng lực	Xây dựng mới	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
60.		Đất, đá quặng bauxit – Phần 1: Xác định hàm lượng oxit nhôm – Phương pháp chuẩn độ complexon	Xây dựng mới/ TCNB 02-III PTH/94	Trung tâm PT&KĐĐC, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
61.		Đất đá quặng bauxit – Phần 2: Xác định hàm lượng sắt tổng – Phương pháp chuẩn độ bicromat	Xây dựng mới/ TCNB 02-V PTH/94	Trung tâm PT&KĐĐC, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
62.		Đất, đá quặng bauxit – Phần 3: Xác định hàm lượng oxit sắt II – Phương pháp chuẩn độ	Xây dựng mới/ TCNB BX.09 -HH/05	Trung tâm PT&KĐĐC, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
63.		Đất đá quặng bauxit – Phần 4: Xác định hàm lượng chất mất khi nung (MKN) – Phương pháp khối lượng	Xây dựng mới/TCNB . 02-VI PTH/94	Trung tâm PT&KĐĐC, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
64.		Đất đá quặng bauxit – Phần 5: Xác định hàm lượng oxit titan – phương pháp đo quang	Xây dựng mới TCNB 02-II PTH/94	Trung tâm PT&KĐĐC, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
65.		Đất đá quặng - Phần 1: Xác định hàm lượng Asen, Thủy ngân - Phương pháp khối phổ cảm ứng ICP-MS	Xây dựng mới/TCNB 06-ICP MS/2018	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
66.		Đất đá quặng - Phần 2: Xác định hàm lượng platin, paradi, iridi, osmi - Phương pháp khối phổ cảm ứng ICP-MS	Xây dựng mới/ TCNB 07-ICP-	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
67.		Đất đá quặng - Phần 3: Xác định hàm lượng Gali, Indi, Tali, Germani - Phương pháp khối phổ cảm ứng ICP - MS	Xây dựng mới/ TCNB 08-ICP MS/2018	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
68.		Đất đá quặng - Phần 4: Xác định hàm lượng berili, Liti - Phương pháp khối phổ cảm ứng ICP - MS	Xây dựng mới/ TCNB 09-ICP MS/2018	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
69.		Đất đá quặng - Phần 5: Xác định hàm lượng crom, coban, niken, mangan -	TCNB 10-ICP-MS/2018	Văn phòng Cục, Cục Địa chất	2025	2026			

		Phương pháp khối phổ cảm ứng ICP MS		Việt Nam					
70.		Khoan máy trong đất liền - Phương pháp khoan thẳng đứng	Xây dựng mới (Quy định kỹ thuật khoan địa chất)	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
71.		Khoan máy trong đất liền - Phương pháp khoan xiên	Xây dựng mới (Quy định kỹ thuật khoan địa chất)	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
72.		Khoan máy trong đất liền - Phương pháp khoan ngang	Xây dựng mới (Quy định kỹ thuật khoan địa chất)	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
73.		Khoan tay trong đất liền - Phương pháp khoan tay có tháp	Xây dựng mới (Quy định kỹ thuật khoan địa chất)	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
74.		Khoan tay trong đất liền - Phương pháp khoan tay không tháp	Xây dựng mới (Quy định kỹ thuật khoan địa chất)	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
75.		Khoan máy trên biển (0-30m nước) – Phương pháp khoan thẳng đứng	Xây dựng mới (Tài liệu cơ sở “Quy trình thi công khoan máy trên biển)	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
<b>Bản đồ điều tra đất đai</b>									
76.		Bản đồ điều tra, đánh giá đất đai - Phần 3: Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ tiềm năng đất đai	Xây dựng mới	Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất, Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất	2025	2026			
77.		Bản đồ điều tra, đánh giá đất đai - Phần 4: Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ đất bị ô nhiễm	Xây dựng mới	Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất, Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất	2025	2026			

78.		Bản đồ điều tra, đánh giá đất đai - Phần 5: Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ đất bị suy giảm độ phì	Xây dựng mới	Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất, Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất	2025	2026			
79.		Bản đồ điều tra, đánh giá đất đai - Phần 6: Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ đất bị mặn hoá, phèn hoá	Xây dựng mới	Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất, Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất	2025	2026			
80.		Bản đồ điều tra, đánh giá đất đai - Phần 7: Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ đất bị xói mòn do mưa; đất bị khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa; đất bị kết von, đá ong hóa	Xây dựng mới	Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất, Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất	2025	2026			
<b>Viễn thám radar</b>									
81.		Viễn thám radar - Thành lập bản đồ chuyên đề - Xử lý, chiết xuất nội dung chuyên đề từ dữ liệu viễn thám Radar	Xây dựng mới trên cơ sở Nghị định số 03/2019/NĐ-CP về hoạt động viễn thám	Cục Viễn thám Quốc gia	2025	2026			
<b>V. <u>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI</u></b>									
82.		Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần x: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường cao su hóa	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: + “Quy định tạm thời về thiết kế, thi công và nghiệm thu lớp bê tông nhựa bê tông nhựa sử dụng nhựa đường cao su	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			

			<p>hóa” ban hành kèm theo Quyết định số 1079/QĐ-BGTVT ngày 08/4/2016 của Bộ GTVT</p> <p>+ TCVN 13567-1:2022, Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;</p> <p>+ TCVN 13567-2:2022, Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 2: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường polime;</p> <p>+ TCVN 8820:2011 Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall.</p> <p>+ Asphalt Hot-Mix Recycling. The Asphalt Institute. Manual Series No.20.</p>						
83.		Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	<p>- Sửa đổi bổ sung TCVN8820:2011, Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall;</p> <p>Tham khảo các tài liệu:</p> <p>+ TCVN 13567-1:2022, Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông</p>	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			

			<p>thường;  + TCVN 13567-2:2022,  Lớp mặt đường bằng hỗn  hợp nhựa nóng - Thi công  và nghiệm thu - Phần 2:  Bê tông nhựa chặt sử  dụng nhựa đường polime;  + Quyết định số 858/QĐ-  BGTVT “Hướng dẫn áp  dụng hệ thống các tiêu  chuẩn kỹ thuật hiện hành  nhằm tăng cường quản lý  chất lượng thiết kế và thi  công mặt đường BTN  nóng đối với các tuyến  đường ô tô có quy mô  lớn”;  + Asphalt Mix Design  method. The Asphalt  Institute. Manual Series  No.2.</p>						
84.		Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa	<p>- Sửa đổi bổ sung  TCVN 12884:2020</p>	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			
85.		Đất, cốt liệu - Phương pháp thử xác định mô đun đàn hồi Mr trong phòng thí nghiệm	<p>- Xây dựng mới  - Tài liệu chính làm căn  cứ xây dựng:  AASHTO T307, Standard  Method of Test for  Determining the Resilient  Modulus of Soils and  Aggregate Materials.</p>	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			
86.		Đất dùng trong xây dựng đường bộ – Xác định độ chặt đầm nén hiện trường bằng phễu rót cát	<p>- Xây dựng mới  - Tài liệu chính làm căn  cứ xây dựng:  AASHTO T 191, 2014  Edition, Standard Method  of Test for Density of Soil</p>	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			

			InPlace by the Sand-Cone Method						
87.		Đất dùng trong xây dựng đường bộ - Xác định hệ số thấm của đất rời bằng phương pháp cột nước không đổi	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: ASTM D 2434 Standard Test Method for Permeability of Granular Soil (Constant Head)	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			
88.		Phương pháp thử xác định khối lượng thể tích của đất và đá tại hiện trường bằng phương pháp thay cát trong hố đào	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: ASTM D4914/D4914M (phiên bản mới nhất năm 2016) - Standard Test Methods for Density of Soil and Rock in Place by the Sand Replacement Method in a Test Pit.	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			
89.		Phương pháp thử xác định khối lượng thể tích của đất và đá tại hiện trường bằng phương pháp thay nước trong hố đào	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: ASTM D5030-04, Standard Test Method for Density of Soil and Rock in Place by the Water Replacement Method in a Test Pit	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			
90.		Cọc thép – Phương pháp chống ăn mòn – Yêu cầu và nguyên tắc lựa chọn	- Sửa đổi bổ sung TCVN 11197:2015	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			
91.		Giá long môn, cột cân vưon trong công trình đường bộ - Thiết kế - Phần 1: Yêu cầu chung	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: + Tiêu chuẩn LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			

			<p>Signals, First Edition (2015), Division I: Design.</p> <p>+ Hướng dẫn và thông tin sửa đổi tạm thời năm 2022 đối với Tiêu chuẩn: LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.</p>						
92.		<p>Giá long môn, cột cần viron trong công trình đường bộ - Thiết kế - Phần 2: Tải trọng và phương pháp phân tích thiết kế</p>	<p>Xây dựng mới</p> <p>- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng:</p> <p>+ Tiêu chuẩn LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.</p> <p>+ Hướng dẫn và thông tin sửa đổi tạm thời năm 2022 đối với Tiêu chuẩn: LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.</p>	<p>Viện KH&amp;CN GTVT</p>	2025	2026			
93.		<p>Giá long môn, cột cần viron trong công trình đường bộ - Thiết kế - Phần 3: Kết cấu thép</p>	<p>- Xây dựng mới</p> <p>- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng:</p> <p>+ Tiêu chuẩn LRFD Structural Supports for Highway Signs,</p>	<p>Viện KH&amp;CN GTVT</p>	2025	2026			

			<p>Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.</p> <p>+ Hướng dẫn và thông tin sửa đổi tạm thời năm 2022 đối với Tiêu chuẩn: LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.</p>						
94.		<p>Giá long môn, cột cần viron trong công trình đường bộ - Thiết kế - Phần 4: Kết cấu nhôm</p>	<p>- Xây dựng mới</p> <p>- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng:</p> <p>+ Tiêu chuẩn LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.</p> <p>+ Hướng dẫn và thông tin sửa đổi tạm thời năm 2022 đối với Tiêu chuẩn: LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.</p>	<p>Viện KH&amp;CN GTVT</p>	2025	2026			
95.		<p>Giá long môn, cột cần viron trong công trình đường bộ - Thiết kế - Phần 5: Một số loại kết cấu khác</p>	<p>- Xây dựng mới</p> <p>- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng:</p> <p>+ Tiêu chuẩn LRFD Structural Supports for</p>	<p>Viện KH&amp;CN GTVT</p>	2025	2026			

			<p>Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.</p> <p>+ Hướng dẫn và thông tin sửa đổi tạm thời năm 2022 đối với Tiêu chuẩn: LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.</p>						
96.		Tiêu chuẩn quản lý và khai thác đường cao tốc – Tuân đường và xử lý sự cố trên đường cao tốc	<p>- Xây dựng mới</p> <p>- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: TCCS 16:2016/TCĐBVN</p>	Cục Đường cao tốc VN	2025	2026			
97.		Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên công trình đường cao tốc	<p>- Xây dựng mới</p> <p>- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: TCCS 17:2016/TCĐBVN</p>	Cục Đường cao tốc VN	2025	2026			
98.		Màng phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ	<p>- Sửa đổi bổ sung</p> <p>TCVN 7887:2018</p>	Cục Đường bộ VN	2025	2026			
99.		Sửa chữa mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối – Thi công và nghiệm thu	<p>- Xây dựng mới</p> <p>- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: TCCS 12:2016/TCĐBVN</p>	Cục Đường bộ VN	2025	2026			
100.		Thi công trên đường đang khai thác – Tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ	<p>- Xây dựng mới</p> <p>- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: TCCS 14:2016/TCĐBVN</p>	Cục Đường bộ VN	2025	2026			
101.		Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu	<p>- Sửa đổi bổ sung</p> <p>TCVN 9844:2013</p>	Cục Đường bộ VN	2025	2026			
102.		Đường ray – Thiết kế ghi và giao cắt – Phần 1: Các định nghĩa	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: EN 13232-1	Cục ĐSVN	2025	2026			

103.		Đường ray – Thiết kế ghi và giao cắt – Phần 2: Yêu cầu về thiết kế kích thước hình học	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: EN 13232-2	Cục ĐSVN	2025	2026			
104.		Đường ray – Thiết kế ghi và giao cắt – Phần 3: Yêu cầu về tương tác giữa bánh xe và ray	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: EN 13232-3	Cục ĐSVN	2025	2026			
105.		Đường ray – Thiết kế ghi và giao cắt – Phần 4: Vận hành – Khóa hãm - Kiểm tra	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: EN 13232-4	Cục ĐSVN	2025	2026			
106.		Đường ray – Thiết kế ghi và giao cắt – Phần 5: Lưỡi ghi	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: EN 13232-5	Cục ĐSVN	2025	2026			
107.		Đường ray – Thiết kế ghi và giao cắt – Phần 6: Tâm ghi thông thường cố định và tâm ghi góc tù	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: EN 13232-6	Cục ĐSVN	2025	2026			
108.		Đường ray – Thiết kế ghi và giao cắt – Phần 7: Tâm ghi có bộ phận di động	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: EN 13232-7	Cục ĐSVN	2025	2026			
109.		Đường ray – Thiết kế ghi và giao cắt – Phần 8: Thiết bị co giãn	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: EN 13232-8	Cục ĐSVN	2025	2026			
110.		Đường ray – Thiết kế ghi và giao cắt – Phần 9: Bản vẽ thiết kế	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: EN 13232-9	Cục ĐSVN	2025	2026			
111.		Ứng dụng đường sắt – Kết cấu hạ tầng – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 5: Kiểm tra không phá hủy các mối hàn ray	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: EN 16729-5	Cục ĐSVN	2025	2026			
112.		Ứng dụng đường sắt - Cơ sở hạ tầng - Thông số thiết kế tuyến cho đường sắt đô thị	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: EN 17636	Trường ĐHCN GTVT	2025	2026			
113.		Ứng dụng đường sắt - Khổ giới hạn - Phần 1: Quy định chung - Quy tắc chung cho cơ sở hạ tầng và đầu máy toa xe	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: BS EN 15273-1:2013.	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
114.		Ứng dụng đường sắt - Khổ giới hạn - Phần 2: Khổ giới hạn đầu máy toa xe	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: BS EN 15273-2:2013	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
115.		Ứng dụng đường sắt - Khổ giới hạn - Phần 3: Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: BS EN 15273-3:2013	Viện KHCN GTVT	2025	2026			

116.		Ứng dụng Đường sắt - Bộ biến đổi điện được lắp đặt trên phương tiện đường sắt - Phần 1: Đặc tính kỹ thuật và phương pháp thử	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: IEC 61287-1:2014	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
117.		Ứng dụng Đường sắt - Bộ biến đổi điện được lắp đặt trên phương tiện đường sắt - Phần 2: Thông tin kỹ thuật bổ sung	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: IEC 61287-2:2001.	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
118.		Ứng dụng Đường sắt - Hệ thống quản lý và điều khiển/điều hành giao thông đường sắt đô thị - Phần 1: Các nguyên tắc hệ thống và khái niệm cơ bản	- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: IEC 62290-1:2014. - Tài liệu tham khảo: EN 62290-1:2014, PrEN .IEC 62990-1:2023.	Cục ĐSVN	2025	2026			
119.		Ứng dụng Đường sắt - Hệ thống quản lý và điều khiển/điều hành giao thông đường sắt đô thị - Phần 2: Chỉ dẫn kỹ thuật yêu cầu chức năng	- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: IEC 62290-2:2014. - Tài liệu tham khảo: EN 62290-2:2014.	Cục ĐSVN	2025	2026			
120.		Ứng dụng Đường sắt - Hệ thống quản lý và điều khiển/điều hành giao thông đường sắt đô thị - Phần 3: Chỉ dẫn kỹ thuật yêu cầu hệ thống	- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: IEC 62290-3:2020 - Tài liệu tham khảo: EN 62290-3:2020,	Cục ĐSVN	2025	2026			
121.		Ứng dụng Đường sắt - Điều kiện môi trường đối với thiết bị - Phần 1: Thiết bị trên phương tiện giao thông đường sắt	- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: IEC 62498-1:2010	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
122.		Ứng dụng Đường sắt - Điều kiện môi trường đối với thiết bị - Phần 2: Thiết bị điện trong các hệ thống lắp đặt cố định	- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: IEC 62498-2:2010	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
123.		Ứng dụng Đường sắt - Điều kiện môi trường đối với thiết bị - Phần 3: Thiết bị điện trong các hệ thống thông tin và tín hiệu	- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: IEC 62498-3:2010	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
124.		Ứng dụng đường sắt - Lắp đặt cố định – Điện kéo – Dây tiếp xúc dạng rãnh bằng đồng và hợp kim đồng	- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: IEC 62917:2016	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
125.		Ứng dụng đường sắt - Lắp đặt cố định -	- Tài liệu chính làm căn	Viện KHCN	2025	2026			

		Thiết bị đóng cắt điện một chiều- Phần 7.	cứ xây dựng: IEC 61992 (7-1; 7-2; 7-3) : 2006	GTVT					
126.		Ứng dụng đường sắt – Thiết kế sử dụng thuận tiện cho người khuyết tật – Các yêu cầu chung – Phần 1 : Độ tương phản	- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: EN 16584-1:2017	Cục ĐSVN	2025	2026			
127.		Ứng dụng đường sắt – Thiết kế sử dụng thuận tiện cho người khuyết tật – Các yêu cầu chung – Phần 2 : Thông tin	- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: EN 16584-2:2017	Cục ĐSVN	2025	2026			
128.		Ứng dụng đường sắt – Thiết kế sử dụng thuận tiện cho người khuyết tật – Các yêu cầu chung – Phần 3 : Đặc trưng quang học và ma sát	- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: EN 16584-3:2017	Cục ĐSVN	2025	2026			
129.		Yêu cầu chất lượng dịch vụ vận hành đèn biển	- Sửa đổi, bổ sung TCVN 10703: 2015 - Tài liệu tham khảo: TCVN 10703:2015	Cục HHVN	2025	2026			
130.		Yêu cầu chất lượng dịch vụ vận hành luồng hàng hải	- Sửa đổi, bổ sung TCVN 10704: 2015 - Tài liệu tham khảo: TCVN 10704:2015	Cục HHVN	2025	2026			
131.		Tải trọng và tác động do sóng và do tàu lên công trình đường thủy nội địa	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: TCN 222:95; Kết quả nghiên cứu đề tài năm 2024 - Tài liệu tham khảo: SP.38.13330.2018 (Nga)	Cục ĐTNĐ VN	2025	2026			
132.		Công trình đường thủy, hàng hải - Tiêu chuẩn khảo sát địa chất công trình	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: TCCS 01:2022/CĐTNĐVN; kết quả nghiên cứu đề tài năm 2024 - Tài liệu tham khảo: TCVN 8477.2018; JSG2015	Cục ĐTNĐ VN	2025	2026			

**VI. BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG****An toàn thông tin**

133.	An toàn thông tin, an toàn mạng và bảo vệ tính riêng tư - Tiêu chí đánh giá về an toàn thông tin - Phần 1: Giới thiệu và mô hình chung	Xây dựng mới dựa trên ISO/IEC 15408-1:2022 và Bản sửa Lỗi và Giải thích (Errata and Interpretation for CC:2022 (Release 1) and CEM:2022 (Release 1)) của Ban bảo trì tiêu chí chung thuộc tổ chức CCRA được ban hành ngày 01/02/2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	2025	2026			
134.	An toàn thông tin, an toàn mạng và bảo vệ tính riêng tư - Tiêu chí đánh giá về an toàn thông tin - Phần 2: Các thành phần chức năng an toàn	Xây dựng mới dựa trên ISO/IEC 15408-2: 2022	Bộ Thông tin và Truyền thông	2025	2026			
135.	An toàn thông tin, an toàn mạng và bảo vệ tính riêng tư - Tiêu chí đánh giá về an toàn thông tin - Phần 3: Các thành phần đảm bảo an toàn	Xây dựng mới dựa trên ISO/IEC 15408-3:2022 và bản sửa Lỗi và Giải thích (Errata and Interpretation for CC:2022 (Release 1) and CEM:2022 (Release 1)) của Ban bảo trì tiêu chí chung thuộc tổ chức CCRA được ban hành ngày 01/02/2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	2025	2026			
136.	An toàn thông tin, an toàn mạng và bảo vệ tính riêng tư - Tiêu chí đánh giá về an toàn thông tin - Phần 4: Khung đặc tả các phương pháp và hoạt động đánh giá	Xây dựng mới dựa trên ISO/IEC 15408-4:2022	Bộ Thông tin và Truyền thông	2025	2026			
137.	An toàn thông tin, an toàn mạng và bảo vệ tính riêng tư - Tiêu chí đánh giá về an toàn thông tin - Phần 5: Các gói yêu cầu an toàn được định nghĩa trước.	Xây dựng mới dựa trên ISO/IEC 15408-5:2022 và bản sửa lỗi và Giải thích (Errata and Interpretation	Bộ Thông tin và Truyền thông	2025	2026			

			for CC:2022 (Release 1) and CEM:2022 (Release 1)) của Ban bảo trì tiêu chí chung thuộc tổ chức CCRA được ban hành ngày 01/02/2024						
<b>VII. <u>BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH</u></b>									
<b>Di sản văn hoá</b>									
138.		Bảo tồn di sản văn hóa - Các nguyên tắc đóng gói vận chuyển ( <i>Conservation of cultural heritage - Packing principles for transport</i> )	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương BS EN 16853:2017	Cục Di sản văn hoá	2025	2026			
<b>Điện ảnh</b>									
139.		Bản gốc phân phối điện ảnh kỹ thuật số - Phần 1: Đặc tính hình ảnh ( <i>Digital cinema (D cinema) distribution master - Part 1: Image characteristics</i> )	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 26428-1:2008	Viện phim Việt Nam	2025	2026			
140.		Bản gốc phân phối điện ảnh kỹ thuật số - Phần 2: Đặc tính âm thanh ( <i>Digital cinema (D cinema) distribution master - Part 2: Audio characteristics</i> )	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 26428-2:2008	Viện phim Việt Nam	2025	2026			
141.		Bản gốc phân phối điện ảnh kỹ thuật số - Phần 9: Cấu trúc điểm ảnh mức 3: Định dạng tín hiệu giao diện kỹ thuật số nối tiếp ( <i>Digital cinema (D-cinema) distribution master – Part 9: Image pixel structure level 3</i> )	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 26428-9:2009	Viện phim Việt Nam	2025	2026			
142.		Bản gốc phân phối điện ảnh kỹ thuật số - Phần 11: Tốc độ hình bổ sung ( <i>Digital cinema (D cinema) distribution master - Part 11: Additional frame rates</i> )	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 26428-11:2011	Viện phim Việt Nam	2025	2026			

143.		Bản gốc phân phối điện ảnh kỹ thuật số - Phần 19: Định dạng tín hiệu giao diện kỹ thuật số nối tiếp cho tốc độ hình bổ sung mức AFR2 và mức AFR4 ( <i>Digital cinema (D-cinema) distribution master - Part 19: Serial digital interface signal formatting for additional frame rates level AFR2 and level AFR4</i> )	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 26428-19:2011	Viện phim Việt Nam	2025	2026			
<b>Thể dục thể thao</b>									
144.		Dịch vụ lặn giải trí – Yêu cầu đào tạo thợ lặn có thiết bị thở chu trình kín – Lặn không giám áp ( <i>Recreational diving services – Requirements for rebreather diver training – No decompression diving</i> )	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 24802:2022	Trường Đại học TDTT Đà Nẵng	2025	2026			
<b>Du lịch</b>									
145.		Khách sạn - xếp hạng ( <i>Hotel - Classification</i> )	Soát xét TCVN 4391:2015	Phòng Quản lý cơ sở lưu trú - Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam	2025	2026			
146.		Du lịch và các dịch vụ liên quan - Du lịch bền vững - Nguyên tắc, từ vựng và mô hình ( <i>Tourism and related services – Sustainable tourism -Principles, vocabulary and model</i> )	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 23405:2022	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	2025	2026			
147.		Du lịch mạo hiểm - Thực hành tốt để phát triển bền vững - Các yêu cầu và khuyến nghị ( <i>Adventure tourism – Good practices for sustainability – Requirements and recommendation</i> )	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận hoàn toàn tương đương ISO 20611:2018	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	2025	2026			

**VIII. BỘ Y TẾ****Nguyên liệu hoá dược**

148.		Candesartan cilexetin	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Mỹ-USP2024	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
149.		Doxazosin mesilat	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Mỹ-USP2024	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
150.		Etoricoxib	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Ấn Độ-IP2022	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
151.		Ezetimib	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Ấn Độ-IP2022	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
152.		Fluticason propionat	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Mỹ-USP2024	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
153.		Glycin	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Nhật XVIII	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
154.		Sitagliptin phosphat	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Mỹ-USP2024	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
155.		Tazobactam natri	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Ấn Độ-IP2022	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			

**Thành phần hoá dược**

156.		Nang pregabalin	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Mỹ-USP2024	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
157.		Thuốc tiêm heparin	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Anh-BP2024	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
158.		Viên nén candesartan	Xây dựng mới trên cơ sở	Hội đồng Dược	2025	2026			

			tham khảo dược điển Mỹ-USP2024	điển Việt Nam					
159.		Viên nén doxazosin	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Mỹ-USP2024	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
160.		Viên nén etoricoxib	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Ấn Độ-IP2022	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
161.		Viên nén ezetimib	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Ấn Độ-IP2022	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
162.		Viên nén sitagliptin	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Mỹ-USP2024	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
<b>Phương pháp kiểm nghiệm thuốc</b>									
163.		Quy định chung của Dược điển Việt Nam	Soát xét TCVN I-1:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
164.		Phụ lục 1.1 Cao thuốc	Soát xét TCVN I-1:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
165.		Phụ lục 1.10 Thuốc đặt	Soát xét TCVN I-1:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
166.		Phụ lục 2.1 Các thuốc thử chung	Soát xét TCVN I-1:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
167.		Phụ lục 2.2 Các dung dịch chuẩn độ	Soát xét TCVN I-1:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
168.		Phụ lục 2.3 Các dung dịch đệm	Soát xét TCVN I-1:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
169.		Phụ lục 5. Các kỹ thuật tách sắc ký	Soát xét TCVN I-1:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
170.		Phụ lục 10.3 Định lượng nước	Soát xét TCVN I-1:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
171.		Phụ lục 10.14 Xác định dung môi tồn dư	Soát xét TCVN I-1:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			

172.		Phụ lục 11.11 Đánh giá khí động học các tiêu phân của thuốc hít	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Anh-BP2024	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
173.		Phụ lục 11.12 Xác định đặc tính của thuốc hít sử dụng thiết bị khí dung	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Anh-BP2024	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
174.		Phụ lục 15.43 Kiểm tra công hiệu (in vivo) của vắc xin viêm gan B tái tổ hợp	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
175.		Phụ lục 12.20: Phương pháp chế biến đông dược	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
176.		Phụ lục 14: Hướng dẫn đánh giá sinh khả dụng và tương đương sinh học in vivo thuốc generic	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
177.		Phụ lục 12.2. Những qui định chung về kiểm tra chất lượng dược liệu	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
178.		Phụ lục 12.25 Sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao (HPTLC) dùng trong định tính dược liệu, cao dược liệu và tinh dầu	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Anh-Mỹ (BP2023, USP 2023)	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
<b>Dược liệu</b>									
179.		Cát sâm (Rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
180.		Cát sâm thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn rễ cát sâm	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
181.		Xuyên bôi mẫu (Thân hành)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
182.		Phòng phong (Rễ )	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
183.		Phòng phong thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020 và ISO 23964:2022	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			

184.		Đan sâm (Rễ và thân rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
185.		Đan sâm thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
186.		Đan sâm tẩm rượu	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
187.		Thỏ bôi mẫu (Thân rễ)	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
188.		Triết bôi mẫu (Thân hành)	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
189.		Triết bôi mẫu thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
190.		Tùng lam (Lá)	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020 và tiêu chuẩn của Hongkong – HKCMMS vol.4)	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
191.		Lá tùng lam cắt đoạn	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
192.		Tùng lam (Rễ)	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
193.		Rễ tùng lam thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
194.		Độc hoạt (Rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
195.		Độc hoạt thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			

			Trung quốc-CP2020						
196.		Bạch chỉ (Rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
197.		Bạch chỉ thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
198.		Bạch thược (Rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
199.		Bạch thược sao vàng	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
200.		Bạch thược thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
201.		Bạch thược tằm rượu	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
202.		Bạch thược tằm dấm	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn Bạch thược tằm rượu	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
203.		Bạch truật (Thân rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
204.		Bạch truật thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
205.		Bạch truật sao cám	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
206.		Đảng sâm (Rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
207.		Đảng sâm thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			

208.		Đảng sâm sao gạo	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
209.		Đương quy (Rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
210.		Đương quy thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
211.		Đương quy tằm rượu	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
212.		Xuyên khung (Thân rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
213.		Xuyên khung thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
214.		Xuyên khung tằm rượu	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
215.		Xuyên mộc thông (thân)	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020 và dược điển Châu Âu - EP11)	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
216.		Xuyên mộc thông thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020 và dược điển Châu Âu - EP11)	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
217.		Khuong hoạt (Thân rễ và rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
218.		Khuong hoạt thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			

219.		Xích thước (Rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
220.		Xích thước thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
221.		Chè dây (Lá)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
222.		Dạ cầm	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
223.		Khôi (Lá)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
224.		Lá hen	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
225.		Bìm bìm (hạt)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
226.		Cao khô actiso	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Anh và Châu Âu (BP 2022; EP 10)	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
227.		Đinh lăng (rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
228.		Rễ đinh lăng thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn rễ Đinh lăng	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
229.		Đinh lăng (Thân và rễ)	Xây dựng mới trên cơ sở Kết quả đề tài nghiên cứu trong nước	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
230.		Mã tiền sao cát	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Trung quốc-CP2020	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
231.		Mã tiền tẩm nước đậu đen	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn Hạt mã tiền	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			

232.		Mã tiền tằm dầu vùng	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn Hạt mã tiền	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
233.		Ngọc nữ trắng (Lá)	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo kết quả nghiên cứu tại Viện nghiên cứu khoa học Tây nguyên	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
<b>Vắc xin</b>									
234.		Vắc xin phòng Papillomavirus ở người (tái tổ hợp)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
235.		Vắc xin bại liệt nhị liên uống	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
236.		Vắc xin phối hợp sởi và Rubella	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Châu Âu-EP 10, WHO và TC NSX Polyvac	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
<b>Thiết bị y tế</b>									
237.		Cây ghép nhãn khoa – Thấu kính nội nhãn – Phần 1: Từ vựng	Chấp nhận ISO 11979-1:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
238.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 2: Tính chất quang học và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 11979-2:2014	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
239.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 3: Tính chất cơ học và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 11979-3:2012	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
240.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 4: Ghi nhãn và thông tin	Chấp nhận ISO 11979-4:2008	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
241.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 5: Khả năng tương thích sinh học	Chấp nhận ISO 11979-5:2020	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
242.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 6: Thử nghiệm độ ổn định khi vận chuyển và thời hạn sử dụng	Chấp nhận ISO 11979-6:2014	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			

243.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 7: Nghiên cứu lâm sàng về thấu kính nội nhãn để điều chỉnh chứng mất thể thủy tinh	Chấp nhận ISO 11979-7:2024	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
244.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 8: Yêu cầu cơ bản	Chấp nhận ISO 11979-8:2017	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
245.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 10: Nghiên cứu lâm sàng về thấu kính nội nhãn để điều chỉnh tật viễn thị ở mắt phakic	Chấp nhận ISO 11979-10:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
246.		Cây ghép nhãn khoa – Thiết bị phẫu thuật nhãn khoa	Chấp nhận ISO 15798:2022	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
247.		Cây ghép tim mạch – Thiết bị nội mạch – Phần 1: Bộ phận giá nội mạch	Chấp nhận ISO 25539-1:2017	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
248.		Cây ghép tim mạch – Thiết bị nội mạch – Phần 2: Stent mạch máu	Chấp nhận ISO 25539-2:2020	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
249.		Cây ghép tim mạch – Thiết bị nội mạch – Phần 3: Bộ lọc tĩnh mạch chủ	Chấp nhận ISO 25539-3:2011	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
250.		Cây ghép tim mạch - Thiết bị nội mạch - Phần 4: Áp dụng ISO 17327-1 cho các thiết bị nội mạch được phủ	Chấp nhận ISO 25539-4:2021	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
251.		Ống thông nội mạch - Ống thông vô trùng và sử dụng một lần - Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 10555-1:2023	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
252.		Ống thông nội mạch - Ống thông vô trùng và ống thông dùng một lần - Phần 3: Ống thông tĩnh mạch trung tâm	Chấp nhận ISO 10555-3:2013	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
253.		Ống thông nội mạch - Ống thông vô trùng và ống thông sử dụng một lần - Phần 4: Ống thông nông bóng	Chấp nhận ISO 10555-4:2023	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
254.		Ống thông nội mạch - Ống thông vô trùng và ống thông sử dụng một lần -	Chấp nhận ISO 10555-5:2013	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			

		Phần 5: Ống thông ngoại vi qua kim							
255.		Ống thông nội mạch - Ống thông vô trùng và sử dụng một lần - Phần 6: Cổng cấy dưới da	Chấp nhận ISO 10555-6:2015	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
256.		Ống thông nội mạch - Ống thông vô trùng và ống thông sử dụng một lần - Phần 7: Ống thông trung tâm được cắm ngoại vi	Chấp nhận ISO 10555-7:2023	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
257.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế — Phần 2: Nắp đậy cho chai truyền dịch	Chấp nhận ISO 8536-2:2023	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
258.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 5: Bộ truyền dịch Burette dùng một lần, cấp liệu bằng trọng lực	Chấp nhận ISO 8536-5:2004	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
259.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 6: Đóng đông khô cho chai dịch truyền	Chấp nhận ISO 8536-6:2016	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
260.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 7: Nắp kết hợp nhôm-nhựa cho chai dịch truyền	Chấp nhận ISO 8536-7:2009	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
261.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 8: Bộ truyền dịch dùng một lần với thiết bị truyền áp lực	Chấp nhận ISO 8536-8:2015	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
262.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 9: Đường dẫn chất lỏng dùng một lần với thiết bị truyền áp lực	Chấp nhận ISO 8536-9:2015	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
263.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 10: Phụ kiện cho dòng chất lỏng sử dụng một lần với thiết bị truyền áp lực	Chấp nhận ISO 8536-10:2015	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
264.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 11: Bộ lọc truyền dịch dùng một lần với thiết bị truyền áp lực	Chấp nhận ISO 8536-11:2015	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
265.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 12: Van một chiều dùng một lần	Chấp nhận ISO 8536-12:2021	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			

266.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 13: Bộ điều chỉnh lưu lượng chia độ dùng một lần có tiếp xúc với chất lỏng	Chấp nhận ISO 8536-13:2016	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
267.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 14: Kẹp và bộ điều chỉnh dòng chảy cho thiết bị truyền máu và truyền dịch không tiếp xúc với chất lỏng	Chấp nhận ISO 8536-14:2016	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
268.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 15: Bộ truyền dịch chống ánh sáng dùng một lần	Chấp nhận ISO 8536-15:2022	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
269.		Ống tiêm dưới da vô trùng dùng một lần - Phần 1: Ống tiêm sử dụng thủ công	Chấp nhận ISO 7886-1:2017	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
270.		Ống tiêm dưới da vô trùng dùng một lần - Phần 2: Ống tiêm dùng với máy bơm chạy bằng điện	Chấp nhận ISO 7886-2:2020	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
271.		Hộp đựng dùng một lần để lấy mẫu máu tĩnh mạch của con người	Chấp nhận ISO 6710:2017	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
272.		Ống thông nội mạch — Ống thông vô trùng và dùng một lần — Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 10555-1:2023	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
273.		Ống thông nội mạch — Ống thông vô trùng và dùng một lần - Phần 3: Catheter tĩnh mạch trung tâm	Chấp nhận ISO 10555-3:2013	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
274.		Ống thông nội mạch — Ống thông vô trùng và dùng một lần Phần 4: Ống thông nông bóng	Chấp nhận ISO 10555-4:2023	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
275.		Ống thông nội mạch — Ống thông vô trùng và dùng một lần Phần 5: Ống thông ngoại vi có kim	Chấp nhận ISO 10555-5:2013	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
276.		Ống thông nội mạch — Ống thông vô	Chấp nhận ISO 10555-6:2015	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			

		trùng và dùng một lần Phần 6: Cổng cấy ghép dưới da							
277.		Ống thông nội mạch — Ống thông vô trùng và dùng một lần Phần 7: Catheter trung tâm được đưa vào ngoại vi	Chấp nhận ISO 10555-7:2023	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
278.		Dụng cụ dẫn lưu, nong và dây dẫn nội mạch vô trùng dùng một lần	Chấp nhận ISO 11070:2014	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
279.		Hệ thống tiêm bằng kim dùng trong y tế — Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 1: Hệ thống tiêm bằng kim	Chấp nhận ISO 11608-1:2022	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
280.		Hệ thống tiêm bằng kim dùng trong y tế — Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 2: Kim tiêm	Chấp nhận ISO 11608-2:2022	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
281.		Hệ thống tiêm bằng kim dùng trong y tế — Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 3: Các thùng chứa và đường dẫn chất lỏng tích hợp	Chấp nhận ISO 11608-3:2022	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
282.		Hệ thống tiêm bằng kim dùng trong y tế — Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 4: Bút tiêm điện tử	Chấp nhận ISO 11608-4:2022	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
283.		Hệ thống tiêm bằng kim dùng trong y tế — Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 5: Các chức năng tự động	Chấp nhận ISO 11608-5:2022	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
284.		Hệ thống tiêm bằng kim dùng trong y tế — Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 6: Hệ thống cung cấp trên cơ thể	Chấp nhận ISO 11608-6:2022	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
285.		Hệ thống tiêm bằng kim dùng trong y tế — Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 7: Hệ thống cung cấp trên cơ thể	Chấp nhận ISO 11608-7:2016	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
286.		Ống thông niệu đạo vô trùng dùng một lần	Chấp nhận ISO 20696:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			

Thực phẩm									
287.		Thực phẩm công thức cho trẻ sơ sinh và thực phẩm dinh dưỡng cho người trưởng thành - Xác định hàm lượng Nucleotide bằng kỹ thuật LC-MS/MS với cột sắc ký HILIC	Chấp nhận <i>AOAC Official Method 2011.21</i>	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
288.		Vi sinh vật trong chuỗi thức ăn - Phương pháp phát hiện và định lượng <i>Clostridium</i> spp. - Phần 1: Định lượng <i>Clostridium</i> spp khử sulfite bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc	Chấp nhận ISO 15213-1	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
289.		Vi sinh vật trong chuỗi thức ăn - Phương pháp phát hiện <i>Enterococci</i>	Chấp nhận ISO ISO 21722	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
290.		Thực phẩm công thức cho trẻ sơ sinh và thực phẩm dinh dưỡng cho người trưởng thành - Xác định hàm lượng Lactoferrin nguồn gốc từ bò bằng kỹ thuật HPLC	Chấp nhận <i>AOAC Official Method 2021.07</i>	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
291.		Thực phẩm công thức cho trẻ sơ sinh và thực phẩm dinh dưỡng cho người trưởng thành –Xác định đồng thời hàm lượng 06 chất HMO kỹ thuật HPLC với dẫn xuất tạo huỳnh quang	Chấp nhận <i>AOAC Official Method 2022.02</i>	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
292.		Nguyên liệu sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe – Các yêu cầu và phương pháp thử đối với quả tầm xuân khô (rosehip)	Chấp nhận ISO 23391:2006	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
293.		Nguyên liệu sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe – Các yêu cầu và phương pháp thử đối với quả hoàng liên gai (barberry)	Chấp nhận ISO/DIS 24090	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
294.		Nguyên liệu sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe – Yêu cầu chung đối với nguyên liệu thảo dược	<u>Chấp nhận ISO/DIS 23723</u>	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			

295.		Nguyên liệu sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe nguồn gốc thảo dược – Các yêu cầu về bảo quản dạng nguyên liệu thô và dạng chiết xuất	Chấp nhận ISO 22217:2020	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
296.		Nguyên liệu sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe nguồn gốc thảo dược – Các yêu cầu về hệ thống truy xuất nguồn gốc dạng nguyên liệu thô và dạng chiết xuất – Phần 1: các thành phần	<u>Chấp nhận ISO/CD</u> 23963-1	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
297.		Nguyên liệu sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe nguồn gốc thảo dược – Các yêu cầu về hệ thống truy xuất nguồn gốc dạng nguyên liệu thô và dạng chiết xuất – Phần 2: dán nhãn điện tử	Chấp nhận ISO/CD 23963-2	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
298.		Nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe nguồn gốc thảo dược – Phát hiện các sản phẩm tự nhiên được chiếu xạ bằng kỹ thuật phát quang kích thích	Chấp nhận ISO 22256:2020	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
299.		Sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe nguồn gốc thảo dược – Yêu cầu ghi nhãn của các sản phẩm dùng đường uống hoặc bôi ngoài da	Chấp nhận ISO 21371:2018	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
300.		Nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm - Xác định sự phân bố cỡ hạt bằng phương pháp lắng trong chất lỏng - Phần 1: Nguyên tắc và hướng dẫn chung	Chấp nhận ISO 13317- 1:2001	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
301.		Nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm - Xác định sự phân bố cỡ hạt bằng phương pháp lắng trong chất lỏng - Phần 2: Phương pháp pipet cố định	Chấp nhận ISO 13317- 2:2001	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
302.		Tinh dầu Cam ngọt ép (Citrus sinensis)	Chấp nhận ISO	Viện KN ATVSTP	2025	2026			

			3140:2019	Quốc gia					
303.		Tinh dầu Đàn hương ( <i>Santalum album</i> L.)	Chấp nhận ISO 3475:2020	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
304.		Chất lượng nước - Phát hiện và định lượng vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> gây bệnh tiêu chảy (Diarrheagenic <i>Escherichia coli</i> )	Chấp nhận SMEWW 9260 F	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
305.		Phát hiện <i>Shigella</i> spp.	Chấp nhận SMEWW 9260 E:2022	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
306.		Phát hiện <i>Vibrio</i> spp.	Chấp nhận SMEWW 9260 E:2022	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
307.		Định lượng nấm men, nấm mốc và xác định độc tố nấm mốc	Chấp nhận SMEWW 9260 E:2022	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
308.		Định lượng <i>Bacillus clausii</i> - bằng kỹ thuật MALDI-TOF	Xây dựng mới	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
309.		Định lượng <i>Bacillus coagulans</i> - bằng kỹ thuật MALDI-TOF	Xây dựng mới	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
310.		Phát hiện <i>Campylobacter</i> spp. - kỹ thuật Real time PCR	Xây dựng mới	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
311.		Phát hiện <i>Escherichia coli</i> O157 - kỹ thuật Real time PCR	Xây dựng mới	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
312.		Xác định hàm lượng carbohydrat khả dụng	Chấp nhận AOAC Official Method 2020.07	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
313.		Xác định hàm lượng xơ không tan, xơ hòa tan và xơ tổng số. Phương pháp enzym - khối lượng - sắc ký lỏng tích hợp nhanh	Chấp nhận AOAC Official Method 2022.01	Viện KN ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
314.		Phát hiện và định lượng <i>Pseudomonas aeruginosa</i> - Phương pháp số có xác suất lớn nhất (MPN)	Chấp nhận ISO 16266-2:2018	Viện Kiểm nghiệm ATVSTP Quốc gia	2025	2026			

315.		Định lượng <i>Staphylococcus aureus</i> - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc	Chấp nhận AOAC 975.55	Viện Kiểm nghiệm ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
316.		Định lượng bào tử chịu nhiệt	Chấp nhận AOAC 972.45	Viện Kiểm nghiệm ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
317.		Định lượng tổng số vi sinh vật hiếu khí	Chấp nhận ISO 6222:1999	Viện Kiểm nghiệm ATVSTP Quốc gia	2025	2026			
318.		Phát hiện <i>Clostridium perfringens</i>	Chấp nhận ISO/TS 15213-3:2024	Viện Kiểm nghiệm ATVSTP Quốc gia	2025	2026			

## **IX. BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ**

### **Công nghệ thông tin**

319.		An toàn thông tin - Quản lý khóa - Phần 5: Quản lý khóa theo nhóm	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 11770-5:2020 Information security - Key management - Part 5: Group key management	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
320.		Công nghệ thông tin - Kỹ thuật an toàn - Khung quản lý định danh - Phần 3: Thực hành	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 24760-3:2016 Information technology - Security techniques - A framework for identity management - Part 3: Practice	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
321.		An ninh mạng - Bảo mật và quyền riêng tư IoT - Nguyên tắc	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 27400:2022 Cybersecurity - IoT security and privacy - Guidelines	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
322.		An ninh mạng - Bảo mật và quyền	Xây dựng mới trên cơ sở	Cục Quản lý mật	2025	2026			

		riêng tư IoT - Yêu cầu cơ bản về thiết bị	tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 27402:2023 Cybersecurity - IoT security and privacy - Device baseline requirements	mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã					
323.		Dịch vụ tài chính - Bảo mật thông tin cho PKI trong triển khai blockchain và DLT	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/TR 24374:2023 Financial services - Security information for PKI in blockchain and DLT implementations	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
324.		Công nghệ Blockchain và sổ cái phân tán - Kiến trúc tham chiếu	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO 23257:2022: “Blockchain and distributed ledger technologies - Reference architecture”	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
325.		Công nghệ Blockchain và sổ cái phân tán - Từ vựng	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO 22739:2024: “Blockchain and distributed ledger technologies - Vocabulary”	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
326.		Công nghệ thông tin - Kỹ thuật an toàn - An toàn trong lưu trữ	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 27040:2024 “Information technology - Security techniques - Storage security”	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
327.		Công nghệ thông tin - Kỹ thuật an toàn - Khung bảo mật	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế	Cục Quản lý mật mã dân sự và	2025	2026			

			ISO/IEC 29100:2024 Information technology - Security techniques - Privacy framework	Kiểm định sản phẩm mật mã					
328.		Công nghệ thông tin - Kỹ thuật an toàn - Các phương pháp kiểm thử để giảm thiểu các lớp tấn công không xâm lấn cho các mô-đun mật mã	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17825:2024 Information technology - Security techniques - Testing methods for the mitigation of non-invasive attack classes against cryptographic modules	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
329.		An toàn thông tin - Yêu cầu an toàn, phương pháp kiểm thử và đánh giá trong phân phối khóa lượng tử - Phần 1: Các yêu cầu	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 23837-1:2023: “Information security - Security requirements, test and evaluation methods for quantum key distribution - Part 1: Requirements”	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
330.		An toàn thông tin - Yêu cầu an toàn, phương pháp kiểm thử và đánh giá trong phân phối khóa lượng tử - Phần 2: Phương pháp kiểm thử và đánh giá	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 23837-2:2023: “Information security - Security requirements, test and evaluation methods for quantum key distribution - Part 2: Evaluation and testing methods”	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
<b>X. <u>BỘ XÂY DỰNG</u></b>									

Vật liệu xây dựng									
331.		Bê tông – Kiểm tra và đánh giá cường độ chịu nén của bê tông trên kết cấu công trình và cấu kiện đúc sẵn	- TCXDVN 239:2006 Bê tông nặng. Chỉ dẫn đánh giá cường độ Bê tông trên kết cấu công trình - Các tiêu chuẩn LB Nga liên quan	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
332.		Bê tông - Kiểm tra và đánh giá cường độ chịu nén	Soát xét TCVN 10303:2014; - ГОСТ 18105-2018 "Бетоны. Правила контроля и оценки прочности" (GOST 18105 "Bê tông. Kiểm tra và đánh giá cường độ chịu nén")	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
333.		Bê tông - Yêu cầu kỹ thuật	- ГОСТ 26633-2015 "Бетоны тяжелые и мелкозернистые. Технические условия" (GOST 26633-2015 "Bê tông nặng và bê tông hạt nhỏ - Yêu cầu kỹ thuật")	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
334.		Bê tông cường độ cao cho kết cấu toàn khối – Nguyên tắc kiểm soát và đánh giá chất lượng	ГОСТ 31914-2012 "Бетоны высокопрочные тяжелые и мелкозернистые для монолитных конструкций. Правила контроля и оценки качества" (GOST 31914-2102 "Bê tông cường độ cao và bê tông hạt nhỏ kết cấu toàn khối - Nguyên tắc kiểm soát và đánh giá chất lượng")	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					

335.		Hỗn hợp bê tông – Phần 5: Phương pháp xác định độ linh động- Phương pháp bàn chảy	BS EN 12350-5:2019 Testing fresh concrete. Flow table test	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
336.		Cốt liệu cho vữa - Yêu cầu kỹ thuật	BS EN 13139:2013 Aggregates for mortar	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
337.		Cốt liệu – Phương pháp thử các tính chất hình học - Phần 7. Xác định hàm lượng vỏ sò trong cốt liệu lớn).	BS EN 933-7 Tests for geometrical properties of aggregates - Part 7: Determination of shell content - Percentage of shells in coarse aggregate	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
338.		Cốt liệu – Phương pháp thử các tính chất hóa học - Phần 5. Xác định hàm lượng muối Clo tan trong axit	BS EN 1744-5 Tests for chemical properties of aggregates - Part 5: Determination of acid soluble chloride salts	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
339.		Phụ gia hóa học cho bê tông, vữa xây và vữa rót. Phần 1: Yêu cầu chung	BS EN 934-1:2008, Admixtures for concrete, mortar and grout. Part 1: Common requirements	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
340.		Phụ gia hóa học cho bê tông, vữa xây và vữa rót. Phần 2: Phụ gia cho bê tông -Yêu cầu kỹ thuật	BS EN 934-2:2009, Admixtures for concrete, mortar and grout. Part 2: Concrete admixtures. Definitions, requirements, conformity, marking and labelling	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
341.		Phụ gia hóa học cho bê tông, vữa xây và vữa rót. Phần 6: Lấy mẫu, đánh giá và xác nhận sự ổn định chất lượng	BS EN 934-6:2019, Admixtures for concrete, mortar and grout. Part 6: Sampling, assessment and verification of the constancy of performance	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
342.		Phụ gia hóa học cho bê tông, vữa xây và vữa rót - Phần 1: Bê tông và vữa đối chứng dùng trong thử nghiệm	BS EN 480-1, Admixtures for concrete, mortar and grout - Test methods -	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					

			Part 1: Reference concrete and reference mortar for testing;						
343.		Phụ gia cho bê tông, vữa và vữa rót - Phương pháp thử - Phần 2: Xác định thời gian đông kết	BS EN 480-2, Admixtures for concrete, mortar and grout - Test methods - Part 2: Determination of setting time	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
344.		Phụ gia cho bê tông, vữa và vữa rót - Phương pháp thử - Phần 4: Xác định độ tách vữa	BS EN 480-4, Admixtures for concrete, mortar and grout - Test methods - Part 4: Determination of bleeding of concrete	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
345.		Phụ gia cho bê tông, vữa và vữa rót - Phương pháp thử - Phần 6: Phân tích hồng ngoại	BS EN 480-6, Admixtures for concrete, mortar and grout - Test methods - Part 6: Infrared analysis;	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
346.		Phụ gia hóa học cho bê tông, vữa xây và vữa rót - Phần 8: Xác định hàm lượng vật liệu khô thông thường	BS EN 480-8, Admixtures for concrete, mortar and grout - Test methods - Part 8: Determination of the conventional dry material content;	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
347.		Phụ gia cho bê tông, vữa và vữa rót - Phương pháp thử - Phần 10: Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước	BS EN 480-10, Admixtures for concrete, mortar and grout - Test methods - Part 10: Determination of water soluble chloride content;	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
348.		Nước trộn bê tông	BS EN1008 Mixing water for concrete – Specification on sampling, testing and assessing the suitability of water, including water recovered from processes	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					

			in the concrete industry, as mixing water for concrete						
349.		Phương pháp nhanh xác định hoạt tính của xỉ lò cao nghiên mịn	ASTM C1073 Standard Test Method for Hydraulic Activity of Slag Cement by Reaction with Alkali	Viện Vật liệu xây dựng					
350.		Xi măng xây trát - Phần 1: Thành phần, yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận	BS EN 413-1 Masonry cement Part 1: Composition, specifications and conformity criteria	Viện Vật liệu xây dựng					
351.		Xi măng xây trát - Phương pháp thử	BS EN 413-2: 2016 Masonry cement – Part 2: Test Method	Viện Vật liệu xây dựng					
352.		Xi măng - Phần 5: Xi măng pooc lăng đa cấu tử CEM II/C-M và Xi măng đa cấu tử CEM VI	BS EN 197-5 Cement Portland-composite cement CEM II/C-M and Composite cement CEM VI	Viện Vật liệu xây dựng					
353.		Yêu cầu kỹ thuật đối với đá vôi mịn để sử dụng trong xi măng pooc lăng	BS 7979 Specification for limestone fines for use with Portland cement	Viện Vật liệu xây dựng					
354.		Hỗn hợp hạt liên kết tro bay - Yêu cầu kỹ thuật	BS EN 14227-3 Hydraulically bound mixtures – Specifications – Part 3: Fly ash bound granular mixtures.	Viện Vật liệu xây dựng					
355.		Tro bay cho hỗn hợp kết dính - Yêu cầu kỹ thuật	BS EN 14227-4 Hydraulically bound mixtures — Specifications: Part 4: Fly ash for hydraulically bound mixtures	Viện Vật liệu xây dựng					
356.		Kính xây dựng - Sản phẩm cơ bản đặc	BS EN 1748-2-2: Glass in	Viện Vật liệu xây					

		biệt. Gồm thủy tinh. Đánh giá phù hợp - Tiêu chuẩn sản phẩm	building – Special basic products – Glass ceramics – Part 2-2: Evaluation of conformity/product standard	dựng					
357.		Kính xây dựng - Kính thành phần và cách âm trong không khí - Phương pháp đo trở kháng cơ học của kính dán	ISO 16940:2008 Glass in building - Glazing and airborne sound insulation - Measurement of the mechanical impedance of laminated glass	Viện Vật liệu xây dựng					
358.		Kính xây dựng - Xác định giá trị cân bằng năng lượng - Phương pháp tính	ISO 14438 Glass in building - Determination of energy balance value - Calculation method.	Viện Vật liệu xây dựng					
359.		Chất trám liên kết. Chất trám liên kết chịu ánh sáng mặt trời trực tiếp sử dụng trong lắp kính	BS EN 15434-1:2023 Bonding sealants. Bonded glazing sealants for direct light exposure	Viện Vật liệu xây dựng					
360.		Bông khoáng cách nhiệt dạng ống-Yêu cầu kỹ thuật	ASTM C547 – 22: “Standard Specification for Mineral Fiber Pipe Insulation”	Viện Vật liệu xây dựng					
361.		Bông khoáng cách nhiệt dạng cuộn - Yêu cầu kỹ thuật	ASTM C553 (2019) “Standard Specification for Mineral Fiber Blanket Thermal Insulation for Commercial and Industrial Applications”	Viện Vật liệu xây dựng					
362.		Vật liệu cách nhiệt- Phương pháp xác định chiều dày và khối lượng thể tích của vật liệu cách nhiệt dạng cuộn	ASTM C167-18 Standard Test Methods for Thickness and Density of Blanket or Batt Thermal Insulations	Viện Vật liệu xây dựng					
363.		Vật liệu cách nhiệt-Phương pháp xác định độ co nở kích thước tại nhiệt độ làm việc tối đa	ASTM C356 - 17 Standard Test Method for Linear Shrinkage of	Viện Vật liệu xây dựng					

			Preformed High-Temperature Thermal Insulation Subjected to Soaking Heat						
364.		Vật liệu cách nhiệt - Phương pháp xác định nhiệt độ sử dụng tối đa	ASTM C411 - 19: Standard Test Method for Hot-Surface Performance of High-Temperature Thermal Insulation.	Viện Vật liệu xây dựng					
365.		Sơn silicat – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	JIS A 6909 Coating materials for textured finishes of buildings	Viện Vật liệu xây dựng					
366.		Yêu cầu kỹ thuật đối với viên xây	BS EN 771-1 Specification masonry units	Viện Vật liệu xây dựng					05 TCVN
367.		Phương pháp thử đối với viên xây	BS EN 772 - Methods of test for masonry units	Viện Vật liệu xây dựng					11 TCVN
368.		Kích thước gạch chịu lửa Phần 1: Gạch chịu lửa- kích thước - Gạch tiêu chuẩn. Phần 2: Gạch chịu lửa - Kích thước - Gạch vòm. Phần 3: Gạch chịu lửa - Kích thước - Gạch tiêu chuẩn khoang tích nhiệt cho lò gia nhiệt. Phần 4: Gạch chịu lửa - Kích thước - Gạch vòm cho nắp lò điện. Phần 5: Gạch chịu lửa - Kích thước - Gạch chân vòm	ISO 5019 (1-5):2014 Refractory bricks- Dimension	Viện Vật liệu xây dựng					
369.		Kính xây dựng - Xác định độ phát xạ	BS EN 12898:2019 Glass in building. Determination of the emissivity	Viện Vật liệu xây dựng					
370.		Kính xây dựng - An toàn trong trường hợp cháy, khả năng chịu lửa. Phương pháp thử để phân loại	BS EN 15998:2020 Glass in building. Safety in case of fire, fire resistance. Glass testing	Viện Vật liệu xây dựng					

			methodology for the purpose of classification						
371.		Sơn và vecni - Xác định độ bám dính của màng sơn	ISO 4624, Paints and varnishes - Pull-off test for adhesion	Viện Vật liệu xây dựng					
372.		Bột vỏ hàu (ốc, sò) làm nguyên liệu cho sơn tường nội thất	JC T2498-2018 Shell Powder Decorative Interior Wall Materials. - Là sản phẩm của nhiệm vụ “Nghiên cứu công nghệ sử dụng phế thải vỏ hàu (ốc, sò) để làm nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng”, RD 23-22	Viện Vật liệu xây dựng					
373.		Kính siêu trắng dùng cho pin năng lượng mặt trời	JC/T 2001-2009 Glass for solar cell module	Viện Vật liệu xây dựng					
374.		Đá vôi để sản xuất clanhke xi măng póc lăng	Soát xét TCVN 6072:2013	Viện Vật liệu xây dựng					
375.		Phụ gia chống rửa trôi cho bê tông dưới nước	BS 8443:2005 Specification for establishing the suitability of special purpose concrete admixtures	Viện Vật liệu xây dựng					
376.		Hiệu suất nhiệt của công trình – Xác định độ lọt khí của công trình – Phương pháp quạt điều áp	ISO 9972:2015 Thermal performance of buildings - Determination of air permeability of buildings - Fan pressurization method	Viện Vật liệu xây dựng					
377.		Phương pháp tính toán chỉ số phản xạ năng lượng mặt trời cho các bề mặt chắn nắng nằm ngang và độ dốc thấp	ASTM E1980-11(2019) Standard practice for Calculating solar reflectance index of horizontal and low-sloped opaque surfaces	Viện Vật liệu xây dựng					

378.		Cách nhiệt - Xác định nhiệt trở ở trạng thái ổn định và các đặc tính liên quan - Thiết bị đo dòng nhiệt	<p>ISO 8301:1991 WITH AMENDMENT 1:2010 Thermal insulation — Determination of steady-state thermal resistance and related properties — Heat flow meter apparatus - Là sản phẩm của nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn, quy trình, thử nghiệm dán nhãn năng lượng cho một số sản phẩm, vật liệu xây dựng”, RD 20-22</p>	Viện Vật liệu xây dựng					
379.		Cách nhiệt – Xác định nhiệt trở ở trạng thái ổn định và các đặc tính liên quan – Thiết bị tấm nóng được bảo vệ	<p>ISO 8302:1991 Thermal insulation - Determination of steady - state thermal resistance and related properties - Guarded hot plate apparatus - Là sản phẩm của nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn, quy trình, thử nghiệm dán nhãn năng lượng cho một số sản phẩm, vật liệu xây dựng”, RD 20-22</p>	Viện Vật liệu xây dựng					
380.		Hiệu suất năng lượng của hệ thống xuyên sáng cho công trình – Quy trình tính toán	<p>Soát xét TCVN 9028:2011 ISO 18292:2011 WITH TECHNICAL CORRIGENDUM 1:2012 Energy performance of fenestration system for residential buildings – Calculation procedure</p>	Viện Vật liệu xây dựng					

			- Là sản phẩm của nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn, quy trình, thử nghiệm dán nhãn năng lượng cho một số sản phẩm, vật liệu xây dựng”, RD 20-22						
381.		Vữa cho khối xây bê tông nhẹ	ASTM C1660-10(2018) Standard Specification for Thin-bed Mortar for Autoclaved Aerated Concrete (AAC) Masonry ASTM C1006-07(2013) Standard Test Method for Splitting Tensile Strength of Masonry Units	Viện Vật liệu xây dựng					
382.		Gạch bê tông tự chèn	Soát xét TCVN 6476:1999 BS EN 1338:2003 Concrete paving blocks. Requirements and test methods	Viện Vật liệu xây dựng					
383.		Xác định phát thải khí nhà kính (GHG) – Các quy định chung	EN 19694-3: 2016 Stationary source emissions — Determination of greenhouse gas emissions in energy-intensive industries — Part 1: General aspects	Viện Vật liệu xây dựng					
384.		Xác định phát thải khí nhà kính (GHG) của ngành công nghiệp xi măng	ISO 9972:2015 Stationary source emissions - Determination of greenhouse gas (GHG) emissions in energy-intensive industries - Part 3: Cement industry	Viện Vật liệu xây dựng					

385.		Nhà và công trình, nguyên tắc khảo sát công trình sau cháy	Xây dựng mới	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
386.		Thử nghiệm chịu lửa – Các bộ phận công trình xây dựng - Phần 11: Các yêu cầu riêng về đánh giá giải pháp bảo vệ chống cháy cho bộ phận kết cấu thép	Xây dựng mới	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
387.		Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	Soát xét TCVN 4453:1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	Viện Khoa học công nghệ xây dựng					
388.		Thử nghiệm chịu lửa – Các bộ phận của công trình xây dựng - Phần 2: Các quy trình bổ sung và thay thế	Xây dựng mới	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội					
389.		Thang di động và tháp làm việc lắp ráp từ các bộ phận chế tạo sẵn. Phần 2: Các nguyên tắc và chỉ dẫn cho hướng dẫn sử dụng	Xây dựng mới	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội					
390.		Thiết bị làm việc tạm thời – Lưới an toàn - Phần 2: Các yêu cầu an toàn về giới hạn cho các vị trí lắp dựng	Xây dựng mới	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội					
391.		Thiết bị làm việc tạm thời – Lưới an toàn - Phần 3: Sử dụng lưới an toàn trên các công trình xây dựng và công việc khác	Xây dựng mới	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội					
392.		Thiết kế kết cấu thép tạo hình nguội	Xây dựng mới	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội					
393.		Neo trong bê tông cho kết cấu xây dựng và thiết bị: Phần 1: Thuật ngữ và định nghĩa - Phân loại; Phần 2: Phương pháp thử	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội					
394.		Các sản phẩm ống bê tông và cấu kiện bê tông phụ trợ: Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật cho ống bê tông không cốt thép và bê tông cốt thép (bao gồm cả ống kích) và	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội					05 TCVN

		cấu kiện khớp nối mềm; Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật cho hồ ga thu và giếng tiêu nước sử dụng bê tông không cốt thép và bê tông cốt thép; Phần 3: Yêu cầu kỹ thuật cho hồ ga thăm sử dụng bê tông không cốt thép và bê tông cốt thép; Phần 4: Yêu cầu kỹ thuật cho ống cống không áp lực suất ứng lực trước và phụ kiện với mối nối dạng mềm; Phần 5: Yêu cầu kỹ thuật cho rãnh thoát nước và tấm phủ							
395.		Hệ ván khuôn và chống đỡ tạm thời: Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật; Phần 2: Phương pháp thử; Phần 3: Nguyên tắc thiết kế	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội					03 TCVN
396.		Thi công công tác địa kỹ thuật đặc biệt: (1) Thi công công tác địa kỹ thuật đặc biệt – Neo đất; (2) Thi công công tác địa kỹ thuật đặc biệt – Đường thấm thẳng đứng thoát nước.	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội					
397.		Ống cống bê tông cốt thép thoát nước	Soát xét TCVN 9113:2012 Ống cống bê tông cốt thép thoát nước	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội					
398.		Cống hộp bê tông cốt thép	Soát xét TCVN 9116:2012 Công hộp bê tông cốt thép						
399.		Máy và Thiết bị xây dựng cho nhóm máy vận chuyển liên tục – dạng băng tải: Máy và thiết bị vận chuyển liên tục – Băng tải đai: Phần 1: Kích thước chính, thông số máy và ký hiệu. Phần 2: Kích thước chính của cụm con lăn cho băng tải vận chuyển vật liệu rời. Phần 3: Các cụm tang băng tải. Phần 4: Đặc trưng của dải băng tải – Phân loại. Phần 5: Cơ sở tính toán và xác định kích thước. Phần 6: Yêu cầu an toàn và yêu cầu EMC cho băng tải cố định vận	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội					06 TCVN

		chuyển vật liệu rời							
400.		Cần trục – Sử dụng an toàn – Phần 3: Cần trục tháp	Soát xét TCVN 7549- 3:2007 (ISO 12480- 3:2005)	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội					
401.		Thiết kế kết cấu liên hợp thép – bê tông	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội					
402.		Thạch cao và sản phẩm thạch cao – Phương pháp xác định hàm lượng nước liên kết và hàm lượng sunfua trioxit tổng số	Soát xét TCVN 8654:2021	Viện Vật liệu xây dựng					
403.		Kính xây dựng – Kính dán pin năng lượng mặt trời	Xây dựng mới	Viện Vật liệu xây dựng					

**Chú thích:** Trong quá trình thực hiện kế hoạch, tên gọi TCVN trong kế hoạch có thể được xem xét, nghiên cứu xác định lại cho phù hợp với nội dung, đối tượng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) tương ứng.